

## Tại Sao Hoa-Kỳ Tham-Chiến ở Việt-Nam

TRẦN-SĨ-HUÂN



Tu trước đến nay không biết bao nhiêu sách báo phim ảnh đã viết về chiến cuộc Việt Nam, duy có một điều thắc mắc đối với nhiều người Mỹ là tại sao Hoa Kỳ lại tham chiến ở Việt Nam, một nơi cách xa Hoa Kỳ hơn 40.000 dặm mà trước đây không có một quan hệ lịch sử nào cả. Thậm chí hồi đó còn có một số người Mỹ không biết Việt Nam ở đâu trên bản đồ Thế Giới, cũng như không biết dân Việt Nam thuộc giống gì. (Về điểm này, tôi xin kể lại câu chuyện năm 1967 lúc tôi cùng phái đoàn du hành quan sát ở Texas, một ông quan lý khách sạn ở Austin, thu phủ Texas, cụ nhìn chúng tôi một cách ngạc nhiên, cuối cùng hỏi gần chúng tôi có thật là người Việt Nam không? Doan ông đi vào trong phòng lấy cuốn tu điển, lật đến trang có chữ Việt Nam, chỉ cái hình hai vó chông người Thuồng và nói bấy lâu ông cụ tưởng Việt Nam là dân da đen, ăn mặc thô sơ (dần ông, dần bà chỉ mặc cái khố, lưng đeo gùi...), cụ không như chúng tôi)

Cho đến năm 1975, khi đi tan qua đây, làm việc ở San Francisco, một số đồng nghiệp Mỹ vẫn còn thắc mắc, đại để "nếu nói Hoa Kỳ qua giúp Việt Nam chống Cộng Sản, bao về tu do thì tại sao Hoa Kỳ không đem quân qua đánh Cuba cho gần". Đây cũng có thể là thắc mắc của một số người Việt Nam hằng lưu tâm đến lịch sử nước nhà, do đó tôi mọi nay ra ý nghĩ tìm xem các tài liệu khai đi giải thích được phần nào nguyên nhân sâu xa của việc Hoa Kỳ tham chiến ở Việt Nam trong thời gian qua, đã làm cho lịch sử Việt Nam thay đổi chiều hướng, đưa đây một số người Việt Nam, trong đó có tôi, qua đây sống cuộc đời đi tan bắt đầu dĩ ngày hôm nay.

Theo tài liệu của Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ thì câu chuyện Mỹ tham chiến ở Việt Nam có thể nói bắt đầu từ việc bất đồng ý kiến giữa hai nhà lãnh đạo thế giới thời 1945 là Tổng Thống Mỹ Roosevelt và Thủ Tướng Anh Churchill.

Ông Roosevelt tin tưởng rằng sau đệ nhị thế chiến, các dân tộc Đông Nam Á phải được độc lập và không thể còn bị dò hỏi bởi chủ nghĩa thực dân nữa. Ông đề cao vai trò nhưng nước đã can đảm chống lại sự xâm lăng của Nhật Bản và có ý muốn giúp thực hiện một Á châu của người Á Châu xây dựng trên tinh thần quốc gia của mỗi dân tộc.

Đối với bản đồ Đông Dương, gồm 3 nước Việt-Miền-Lào, ông Roosevelt xem như là dấu câu mà Nhật đã dùng để đánh chiếm Phi Luật Tân, Mã Lai, Nam Dương v.v... Ông không quên được thái độ xiên xeo của Pháp khi để cho quân đội Nhật vào Đông Dương mà không bàn thảo trước với đồng minh Hoa Kỳ như lời của Ngoại Trưởng Cordell Hull viết trong thư phản đối Pháp năm 1943. Trên đường đi du Hội Nghị Casablanca, ông Roosevelt đã nói với con trai ông là ông Elliot: "Người bạn xứ Đông Dương đã bị dân áp trắng trơn đến nỗi họ nghĩ rằng sông dưới chế độ vào cũng còn khá hơn dưới chế độ thực dân Pháp". Ông còn đề cao Việt Minh là một tổ chức du kích được thành lập vào khoảng 1940-1945 gồm một số đảng phái tập hợp trong một Mặt Trận gọi là "**VIỆT NAM ĐỘC LẬP ĐÔNG MINH HỘI**" do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch và Vũ Hồng Khanh, phó chủ tịch v.v... Theo ông Roosevelt thì Việt Minh là nhóm du kích đầu tiên đã chống lại Phát xít Nhật, cứu các phi công Mỹ bị bắn hạ, cung cấp tin tức tình báo cho Đông Minh trong thời gian chiến tranh chống Nhật Bản. Do đó sau đệ nhị thế chiến, Hoa Kỳ đã lấy một số khí cụ, súng ông mà Hoa Kỳ tích trữ ở OKINAWA đem cho Hồ Chí Minh ở Việt Nam và Lý Thừa Vãn ở Nam Cao Ly.

Trong lúc đó, ông Churchill chống lại việc trao trả nền độc lập cho các thuộc địa Pháp và Hoà Lan ở Á Châu vì sợ ảnh hưởng đây chuyện đến các thuộc địa của Anh như Ấn Độ, Miến Điện, Tích Lan, Hồng Kong và Mã Lai...

Tại hội nghị Moscow tháng 10 năm 1943, ông Churchill không chịu thảo luận bàn tuyên cáo về độc lập quốc gia do

ông Roosevelt đề nghị. Hai tháng sau, tại hội nghị Teheran, ông Churchill lại chối bỏ đề nghị của ông Roosevelt một lần nữa về một thỏa hiệp quốc tế ở Đông Dương.

Chúng ta không lấy làm lạ gì về đường lối bảo thủ thực dân của ông Churchill vì trước đó vào năm 1918, với tư cách Bộ Trưởng Quốc Phòng, ông Churchill đã từng xin chính phủ Hoàng Gia Anh gọi quân đội qua Nga để “bóp chết hải nhi cách mạng Bolshevik trong trứng” vì ông nghĩ rằng sự tôn thờ tôn chủ nghĩa cộng sản sẽ hủy diệt đế quốc Anh; nhưng lúc đó dân Anh quá mệt mỏi sau đệ I Thế Chiến nên Thủ Tướng Lloyd George đã rút quân Anh về, làm cho ông Churchill rất bất mãn.

Suất phát từ ý kiến giữa hai cường quốc Anh Mỹ kéo dài cho đến khi ông Roosevelt tử trần ngày 2-4-1945, và ông Truman được kế nhiệm trong chức vụ Tổng Thống Hoa Kỳ. Nhân dịp Nga Sở chiếm cứ các nước Đông Âu làm cho dư luận Hoa Kỳ phẫn nộ, ông Churchill đã chuyển cho ông Truman đề án tổ chức một Liên Minh quân sự chặn đứng Cộng Sản trong phạm vi nước Nga và các chư hầu của Nga mà thôi. Churchill cũng biết các nước Tây Âu, kể cả Anh Quốc lần này đều mệt mỏi sau đệ II Thế Chiến vừa kết thúc nên đã dặt gánh nặng lên vai Hoa Kỳ. Ông đã thuyết phục ông Truman can thiệp vào nội chiến ở Hy Lạp và đóng một vai trò quân sự ở vùng biển Mediterranée để cho Anh Quốc rút quân về năm 1947 ông Churchill còn đi xa hơn nữa trong bài diễn văn “Bức Màn Sắt” đọc tại Missouri College, với đề nghị lập một Liên Minh Anh Mỹ chống lại ảnh hưởng đen tối của Nga đang bao trùm thế giới.

Kết quả đầu tiên của cuộc chiến tranh lạnh này là dự luật viện trợ hai nước Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ của ông Truman. Thượng Nghị Sĩ Arthur Vandenberg (R. Michigan) cho rằng chủ thuyết Truman có nghĩa Hoa Kỳ sẽ ủng hộ tất cả dân tộc tự do, chống lại các ý muốn độc hộ của nước khác. Dự luật viện trợ này đã được Quốc Hội Hoa Kỳ thông qua với 67 phiếu thuận trên 23 phiếu chống, với sự có mặt của 3 vị Tổng Thống sau này là Kennedy, Johnson và Nixon.

Một hành động khác của Quốc Hội Hoa Kỳ là hợp thức hoá việc dùng các cố vấn quân sự ở Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ mà không định giới hạn số lượng, đã đưa Hoa Kỳ tiến dần đến vai trò Cảnh Sát viên của Thế Giới.

Ở Á Đông, nội chiến Trung Hoa đã kết thúc bằng sự thắng lợi của Cộng Sản Mao Trạch Đông vào tháng 9 năm 1949 và sự sụp đổ của quân đội Tưởng Giới Thạch.

Năm 1950, Cộng Sản Bắc Hàn xâm chiếm Nam Hàn, một đồng minh của Hoa Kỳ. Tổng Thống Truman ra lệnh quân lực Hoa Kỳ tham gia cuộc chiến mà không có lời tuyên chiến của Quốc Hội.

Các sự kiện trên đây liên tiếp xảy ra làm cho Washington sợ rằng Moscow sẽ kiểm soát cả thế giới nên Tổng thống

Truman ra lệnh sản xuất bom khinh khí và gọi cố vấn quân sự đến Nam Việt Nam, mở đường viên trợ cho Pháp ở Việt Nam.

Tuy nhiên tình trạng người Pháp ở VN ngày càng tồi tệ. Trước đó vào khoảng tháng 9 năm 1945, quân đội Pháp đã theo chân quân đội Anh vào giải giới quân đội Nhật tại Đà Nẵng trở xuống Cà Mau với ý đồ tái lập nền đô hộ cũ. Ngày 2-9-45, Hồ Chí Minh. Kêu gọi Mỹ công nhận nền Độc Lập của Việt Nam nhưng không được Tổng Thống Truman lưu ý vì cho rằng Hồ Chí Minh là một cán bộ Cộng Sản. Hồ Chí Minh phải bốn ba qua Paris vận động ngoại giao và ký Hiệp định sơ bộ ngày 6-1-1946 với Marius Monter, Bộ Trưởng thuộc địa Pháp, thuận để cho Pháp vào đóng quân tại các thành phố lớn như Hải Phòng, Hà Nội, Đà Nẵng để thay thế nhóm Tàu vàng ô hợp của Tưởng Lữ Hán. Tuy nhiên quân Pháp ngày càng khiêu khích nên Hồ Chí Minh đã ra lệnh tấn công vào đêm 19-12-1946. Sau đó quân đội Pháp càng ngày càng bị sa lầy nên đã kêu gọi Hoa Kỳ giúp đỡ.

Theo tài liệu của Thủ Viện Quốc Hội Hoa Kỳ thì “Hoa Kỳ quyết định tham dự chiến tranh ở Đông Dương kể từ ngày 24-4-1950, với sắc luật số NSC 64 tựa đề “Quan điểm của Hoa Kỳ đối với chiến tranh Đông Dương” do Tổng Thống Truman chuẩn ký và với sự chấp thuận của “Hội Đồng An Ninh Quốc Gia”, trong đó ghi rõ rằng tất cả các biện pháp thực tiễn phải được áp dụng để phòng ngừa sự bành trướng của Cộng Sản trong tương lai ở Đông nam Á, căn cứ trên thuyết Domino. Tiếp theo là sắc luật NSC 68 cũng nói rằng “Phải cần sử dụng sức mạnh quân sự để tiêu diệt, nếu có thể được, sự bành trướng của Sở Việt và đánh bại, nếu cần, Sở Việt xâm lược hoặc các nước Cộng Sản do Sở Việt giật dây.”

Trong lúc đó áp lực của Quốc Hội chỉ trích chính quyền Truman quá yếu đối với Cộng Sản đã lên đến mức tột độ. Nghị sĩ Joe Mc. Cathy và một số đồng viên cho rằng cán bộ Cộng Sản đã xâm nhập chính quyền, nhất là ở Bộ Ngoại Giao. Họ còn buộc tội ông Alger Hiss, một phụ tá thân cận của Ngoại Trưởng Dean Acheson đã đưa tài liệu mật cho cán bộ Cộng Sản. Tình hình chính trị nội bộ Hoa Kỳ do đó trở nên lộn xộn.

Riêng đối với vấn đề Việt Nam, áp lực cho một vai trò chống cộng tích cực hơn còn đến từ một nguồn gốc khác. Mùa hè năm 1950, ông Ngô Đình Thục, Tổng Giám Mục địa phận Vĩnh Long đến Hoa Kỳ với bào đệ Ngô Đình Diệm tìm đường viện trợ và đã được sự ủng hộ của Đức Hồng Y John Francis Spellman ở New York trong việc vận động chính trị với các giới chức Hoa Kỳ như ông Joseph Kennedy, Nghị Sĩ Mike Mansfield, Dân Biểu Mc Cormack, Clement J. Zablocki v.v...

Dưới thời Tổng Thống Eisenhower, một cuộc vận động trong giới quân sự đã khởi mào cho một cuộc hành quân của Mỹ ở VN. Tháng 2 năm 1953. Đô Đốc Arthur W. Radford, Chủ Tịch Bộ Tham Muo Hôn Hợp Hoa Kỳ, báo cáo đã gọi một Đại Tá Thủy Quân Lục Chiến qua Việt Nam để xem xét tình hình và Đại Tá đó đã về trình lại rằng: “Chỉ cần 2 sư

doàn tình nhuệ với một tinh thần chiến đấu cao có thể quét sạch châu thổ Bắc Kỳ trong 10 tháng”.

Đại Tướng Thomas Trappnell, Trưởng phái Bộ Quân Sự Hoa Kỳ ở Việt Nam thì cho rằng sự chiến thắng quân sự sẽ là điều kiện tiên quyết cho sự tiến bộ chính trị ở vùng này.” Trái lại Đại Tướng Lawton Collins thì nghĩ ngớ, nếu đem quân lực Hoa Kỳ đến Việt Nam, Hoa Kỳ sẽ lâm vào một cuộc chiến tranh kéo dài...

Tiếp theo đó, với sự sụp đổ của quân đội Pháp ở Điện-Biên-Phủ năm 1954, Đô Đốc Radford đề nghị sử dụng bom nguyên tử. Kế hoạch được dự trù đưa một phần lực cò vận tải từ Thái Bình Dương vào vịnh Bắc Kỳ và trang bị bom nguyên tử để tiêu diệt vị trí tập trung địch ở ranh giới Trung Hoa - Việt Nam. Kế hoạch này đã được Tổng Thống Eisenhower chấp thuận nhưng sau vì bị Anh và Pháp phản đối kịch liệt nên phải hủy bỏ. Mặc dù không được một ai trong bộ tham mưu ủng hộ, Đô Đốc Radford vẫn tiếp tục cho tấn công hải phận Việt Nam bằng các phần lực cò từ Thái Bình Dương. Phe phản đối có đại tướng Mathew Ridgway và các lãnh tụ Quốc Hội vì chiến tranh Cao Ly đang còn ám ảnh trong đầu óc dân chúng Hoa Kỳ. Trong một cuộc thảo luận ở Quốc Hội, Nghị Sĩ J.I. Kennedy đã kêu gọi cho một nền độc lập quốc gia ở Đông Dương, và một sự thống nhất hành động của các nước trên thế giới để bảo vệ tự do dân chủ. Nghị sĩ Lyndon Johnson ngày 6/6/54 nói rằng: “Chúng ta bị ke dịch lửa gat, còn đồng minh thân hữu thì sợ hãi, chỉ mong chúng ta dùng đường dẫu với sự việc. Chúng ta đang ở vào vị trí nguy hiểm bị cô lập trong một thế giới chống đối”.

Sau đó các lãnh tụ chính trị Hoa Kỳ của lương dân đã lấy một quyết định tối hậu rằng Việt Nam Tự Do-Độc Lập là điều rất cần cho nên an ninh thế giới và chỉ có một cách để bảo đảm cho nên an ninh ấy là sử dụng biện pháp quân sự.

Một ngày trước khi bị ám sát, Tổng Thống Kennedy đã tâm sự với Nghị Sĩ Wayne Morse trong khi bách bộ ở vườn hồng Toà Bạch Ốc rằng “Hoa Kỳ đã lấy một quyết định sai lầm ở VN và tôi sẽ rút ngòi của chúng ta ra...”

Những bánh xe lịch sử vẫn chuyển tới. Bộ máy chiến tranh phát triển đến mức độ lớn lao ra khỏi tầm tay kiểm soát của dân chúng. Năm 1965, Bộ Ngoại Giao đã gọi Tiên Sĩ Kissinger một chuyên viên chính trị qua nghiên cứu tình hình ở VN, khi về ông đã kết luận trong một bản báo cáo được phổ biến rằng: “Rồi đây cuộc chiến VN sẽ phải kết thúc, trong đó Mỹ sẽ không thắng mà cũng không thua, và Việt Cộng sẽ không thua mà cũng không thắng”.

Cái lời chối chối này đã làm nhức đầu những nhà đồng đội VN thời ấy, vì kẻ thua là ai? Nếu không phải là Nam VN?

Thời ấy có người cho rằng Hoa Kỳ đã lo ngại Trung Cộng có thể “Thả thung xông lên” tiến chiếm cả vùng Đông Nam Á (như đã từng đem quân qua Cao Ly) nên đã cố ngăn chặn làn sóng đỏ ở địa phận Việt Nam.

Binh đội “mũ xanh” (green beret) cùng đủ loại binh chủng khác đã được gởi qua Việt Nam, Lào, duồng dẫu với quân du kích công sản, và vì không muốn đụng độ thẳng với Trung Cộng, có thể gây chiến tranh thứ ba, nên Hoa Kỳ chỉ đánh cầm chừng đợi ngày thường thuyết.

Do đó sau khi Nixon và Kissinger bắt tay được với Trung



Cộng thì Hoa Kỳ liền Việt Nam hoá chiến tranh, ký Hiệp Định Ba Lê năm 1973 và rút quân về.

Trên bình diện tổng quát, việc Hoa Kỳ tham chiến ở Việt Nam cũng như ở các nơi khác trên Thế Giới có thể hiểu qua câu tuyên bố của ông Casper Weinberger, Bộ Trưởng Quốc Phòng Mỹ với báo British Guardian tháng 8 năm 1984 rằng: “Không có chỗ nào xa xôi hẻo lánh trên Thế Giới, không có quốc gia nhỏ bé nào mà không ảnh hưởng đến quyền lợi sống còn của Mỹ.”

T.S.H.

### “The Desire for Independence”

“You would understand better if you could see what is happening here, if you could sense the desire for independence which runs to the bottom of every heart and which no human force can curb. Even if you could manage to reestablish a French administration here, it would no longer be obeyed: each village would become a nest of resistance, each former collaborator an enemy and your officials and your colonials themselves would demand to leave this asphyxiating atmosphere.”

- Emperor Bao Dai to General De Gaulle, Aug. 26, 1945

